

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 3304 /TB-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2023

Kính gửi: Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp tỉnh

Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa.

Sở Tài chính thông báo dự toán thu, chi NSNN năm 2023 cho đơn vị như sau:

- 1. Dự toán thu, chi được giao:** (Theo phụ lục đính kèm)
- 2. Hình thức cấp phát:** Cấp theo hình thức thông báo dự toán.
- 3. Căn cứ dự toán được giao, thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm:**

Lập phương án chi tiết các khoản thu và phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách nhà nước theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao, gửi Sở Tài chính để nhập dự toán chi NS vào hệ thống thông tin quản lý NS và Kho bạc (TABMIS), gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để kiểm soát chi theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được NSNN hỗ trợ, gửi số liệu công khai về Sở Tài chính để tổng hợp.

Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để phối hợp giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN;
- Lưu: VT, TC-HCSN.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tứ

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường

(Kèm theo Thông báo số 7304 /STC-TB ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính)

Chương 426

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
				Dự toán chi NSNN giao thực hiện tự chủ	Dự toán chi NSNN giao không thực hiện tự chủ
		I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí:			
		1. Tổng thu phí	665	665	
		Phí thăm định thăm dò, KT, đánh giá, trữ lượng nước, khai thác, xả thải	90	90	
		Phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	190	190	
		Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	350	350	
		Phí thăm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	35	35	
		2. Nộp NSNN, cấp trên	126	126	
		Phí thăm định thăm dò, KT, đánh giá, trữ lượng nước, khai thác, xả thải (20%)	18	18	
		Phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (20%)	38	38	
		Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản (10%)	35	35	
		Phí thăm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ (nộp 100%)	35	35	
		3. Kinh phí còn lại để lại đơn vị .	539	539	
		Phí thăm định thăm dò, KT, đánh giá, trữ lượng nước, khai thác, xả thải (80%)	72	72	
		Phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (80%)	152	152	
		Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản (90%)	315	315	
		Phí thăm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ		-	
280	338	II. Thu, chi xử phạt vi phạm hành chính, nguồn thu xung quỹ			
		1. Thu phạt vi phạm hành chính, nguồn tịch thu xung quỹ	1.300		1.300

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
				Dự toán chi NSNN giao thực hiện tự chủ	Dự toán chi NSNN giao không thực hiện tự chủ
		2. Chi đảm bảo hoạt động của lực lượng xử phạt	450		450
		III. Dự toán chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước	49.293	10.537	38.756
		III.1. Dự toán chi hoạt động thường xuyên	49.143	10.537	38.606
340	341	1. Chi quản lý hành chính:	11.038	10.537	501
		a. Chế độ	8.075	8 075	
		Công chức	7.855	7 855	
		Hợp đồng các công việc thừa hành	220	220	
		b. Nghiệp vụ theo định mức	1.892	1 892	
		Công chức	1.848	1 848	
		Hợp đồng các công việc thừa hành	44	44	
		c. Chi nhiệm vụ đặc thù	591	570	21
		Trang phục thanh tra	21		21
		Hỗ trợ CB chuyên trách CNTT; đầu mối KSTTHC; tiếp dân	180	180	
		Hội đồng thẩm định, quy hoạch KH sử dụng đất	110	110	
		Kinh phí phục vụ hoạt động thu phí, lệ phí	280	280	
		d. Chi thực hiện đề án, dự án, kế hoạch được giao	480		480
		Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo Thông tư 65/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29/7/2021	480		480
160	171	2. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	132	-	132
		KP ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo KH số 154/KH-UBND ngày 17/10/2016	132		132
280	332	3. Chi sự nghiệp kinh tế	24.041		24.041
		KP thuê tư vấn thẩm định giá	2.300		2.300
		KP thanh toán sau quyết toán DA KK đất đai và lập BĐ hiện trạng SD đất năm 2019 theo QĐ số 1048/QĐ-UBND, 28/3/2022	17.356		17.356
		Thanh toán kinh phí tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2022 và kinh phí thực hiện năm 2023	1.000		1.000

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
				Dự toán chi NSNN giao thực hiện tự chủ	Dự toán chi NSNN giao không thực hiện tự chủ
		Kinh phí thanh toán khối lượng hoàn thành nhiệm vụ Lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa Theo Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	1.165		1.165
		KP thực hiện DA cắm mốc ranh giới, đo đạc bản đồ, hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai 5 nông trường quốc doanh và 13 Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Thanh Hóa theo QĐ 3865/QĐ-UBND, 26/9/2016	1.320		1.320
		KP lập danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư năm 2023 theo NĐ 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020, cv 19510/UBND-THKH ngày 9/12/2021	900		900
		5. Chi sự nghiệp môi trường	13.932		13.932
		a. Chi nhiệm vụ đặc thù			
250	278	Xử lý điểm nóng về ô nhiễm môi trường theo TB số 201/TB-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh	550		550
250	278	Kinh phí quản lý hoạt động và tổ chức xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, TN nước	400		400
250	278	Duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu phần mềm quản lý TC về đất đai và khoáng sản	250		250
		b. Chi thực hiện đề án, dự án, kế hoạch được giao			
250	251	KP CT quan trắc tổng hợp môi trường biên giới đoạn 2021-2025 theo QĐ 871/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	2.448		2 448
250	251	Kinh phí thực hiện lấy và phân tích mẫu đối chứng trong quá trình Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn vận hành thử nghiệm theo CV 7457/UBND-NN ngày 17/6/2019	1.868		1 868
250	251	KP thực hiện quan trắc môi trường tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 theo QĐ 1045/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	6.716		6.716
250	278	Công tác tuyên truyền và các hoạt động phục vụ môi trường	1.700		1.700
		III.2. Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ địa phương	150		150

Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
				Dự toán chi NSNN giao thực hiện tự chủ	Dự toán chi NSNN giao không thực hiện tự chủ
070	085	1. Sự nghiệp giáo dục đào tạo	150		150
		Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực 2023	150		150
		<i>Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cho cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã (433 người/02 ngày/lớp x 2 lớp)</i>	150		150

Ghi chú:

1. Dự toán chi đảm bảo hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo tiến độ thu và thông báo bổ sung dự toán.
2. Dự toán chi ngân sách trên đã trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định